

ANALYSIS ON JOHN L.AUSTIN'S THEORY OF SPEECH ACTS AND APPLICATION OF SOCIAL COMMUNICATION RULES IN FOREIGN LANGUAGE TEACHING

PHÂN TÍCH LÝ THUYẾT HÀNH VI NGÔN NGỮ CỦA JOHN L.AUSTIN VÀ VẬN DỤNG CÁC QUY TẮC GIAO TIẾP XÃ HỘI VÀO DẠY HỌC NGOẠI NGỮ

Hoàng Ngọc Anh
Trường Đại học Quảng Bình

ABSTRACT: *The theory of speech acts has been studied by different linguists around the world. Among these, John L.Austin is perhaps best known for developing the theory of speech acts through his famous work “How to do things with words”. This is a theory researching on language activities and the relationship between language signs and human acts. Austin's theory also shows us that speech acts are governed by social rules and conventions associated with different ethnic groups, communities and cultures. This article focuses on investigating the concept of speech acts; Researching and analyzing the J.Austin's theory of speech acts. Thence, application of social communication rules in foreign language teaching and some suggestions are then given to enhance the quality of foreign language teaching in general and English in particular.*

Key words: *Speech acts, rules of communication, foreign language teaching.*

TÓM TẮT: *Lý thuyết hành vi ngôn ngữ đã được nghiên cứu bởi các nhà ngôn ngữ học khác nhau trên thế giới. Trong đó, John L.Austin đã trở nên nổi tiếng bởi lý thuyết “Nói là hành động” của mình. Đây là lý thuyết nghiên cứu về sự hoạt động ngôn ngữ và mối quan hệ giữa kí hiệu ngôn ngữ và hành vi con người. Lý thuyết của Austin cũng cho chúng ta thấy rằng các hành vi ngôn ngữ được chi phối bởi những quy tắc, quy ước xã hội gắn với từng dân tộc, cộng đồng, từng nền văn hóa khác nhau. Bài báo này tập trung tìm hiểu khái niệm hành vi ngôn ngữ; Nghiên cứu và phân tích lý thuyết “Nói là hành động” của J.Austin. Từ đó, vận dụng các quy tắc giao tiếp xã hội vào dạy học ngoại ngữ và đưa ra một số đề xuất nhằm nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng.*

Từ khóa: *Hành vi ngôn ngữ, quy tắc giao tiếp, dạy học ngoại ngữ.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nói đến những đóng góp to lớn cho ngành Ngôn ngữ học, chúng ta phải kể đến những tên tuổi-những nhà ngôn ngữ học vĩ đại như: N. Chomsky, G. Frege, F.De Saussure, L. Wittgenstein, Charles W. Morris, John Lyons, V.B.Kasevich...

Trong đó, nhà triết học người Anh- John L.Austin, đã trở thành một cái tên rất quen thuộc với ngôn ngữ học trên thế giới bởi lý thuyết hành vi ngôn ngữ (speech acts). Đây là một lý thuyết làm nên xương sống cho ngành ngữ dụng học. “How to do things with words”, được tạm dịch là: Nói là làm

hay nói là hành động - là nhan đề một cuốn sách nổi tiếng của J. Austin. Chỉ qua tên gọi này, chúng ta có thể hình dung thấy lý thuyết hành vi ngôn ngữ của J. Austin là lý thuyết về sự hoạt động ngôn ngữ. Nói rõ hơn, lý thuyết này nghiên cứu quan hệ giữa kí hiệu ngôn ngữ và việc dùng chúng vào mục đích giao tiếp được thể hiện thế nào.

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, việc rèn luyện phát triển kỹ năng giao tiếp phải đi kèm với vốn hiểu biết về ngôn ngữ văn hóa xã hội. Trong dạy học ngoại ngữ, người học muốn giao tiếp thành công trong ngôn ngữ đích thì không chỉ đòi hỏi năng lực ngôn ngữ đơn thuần mà cần phải nâng cao vốn hiểu biết về ngôn ngữ xã hội, các yếu tố văn hóa, các chuẩn mực và giá trị xã hội. Việc thiếu các kiến thức về văn hóa-xã hội hoặc sử dụng sai có thể dẫn đến sự hiểu nhầm đáng tiếc, bất lịch sự hay những cú sốc văn hóa trong giao tiếp. Do đó, tìm hiểu và nghiên cứu về hành vi ngôn ngữ, mối quan hệ giữa kí hiệu ngôn ngữ và các quy tắc giao tiếp xã hội ở các nền văn hóa khác nhau là thực sự cần thiết.

Trong phạm vi bài viết này, tác giả tập trung tìm hiểu các khái niệm hành vi ngôn ngữ; nghiên cứu và phân tích lý thuyết “*Nói là hành động*” của J. Austin. Từ đó, vận dụng các quy tắc giao tiếp xã hội vào dạy học ngoại ngữ và đưa ra một số đề xuất nhằm nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng.

2. NỘI DUNG

2.1. Hành vi ngôn ngữ

Lý thuyết hành vi ngôn ngữ (speech acts) đã được nghiên cứu bởi các nhà ngôn

ngữ học khác nhau trên thế giới.

Theo George Yule (1996), hành vi ngôn ngữ là *những hành động được thể hiện thông qua các phát ngôn*. Trong giao tiếp, hành vi ngôn ngữ không đơn giản chỉ là đưa ra những câu đúng cấu trúc, ngữ pháp mà ở mỗi câu còn có một kiểu hành vi nhất định được thực hiện, ví dụ như *chào hỏi, ra lệnh, yêu cầu, từ chối, cảm ơn, xin lỗi...* Có thể thấy rằng, trong giao tiếp có nhiều hành vi ngôn ngữ được thực hiện đồng thời.

Theo GS.TS. Đỗ Hữu Châu, khi nói năng, chúng ta thực hiện những hành động như chúng ta thực hiện những hành động vật lí khác. *Hỏi, sai khiến, cầu xin, hứa hẹn, cảm ơn, xin lỗi v.v...* là những hành động như *đi, chạy, đóng cuốn vở, cùng nhau dời chỗ một cái bàn, lắp một chiếc xe máy v.v...* (2007). Chẳng hạn, khi chúng ta nói ra những câu: *Ồi dời ơi!*; *Chị làm ơn cho tôi hỏi đường này tên gì ạ*; *Tôi hứa trả tiền cho anh vào ngày mai*. Có phải chúng ta phát ngôn ra nhằm miêu tả về các sự vật, trình bày một sự kiện hay là những báo cáo về hiện thực? Không, chúng ta nhằm *làm* một việc gì đó như việc *bộc lộ cảm xúc* của người nói, việc *hỏi*, việc *cam kết*. Những phát ngôn như vậy được gọi là những *phát ngôn ngữ vi* (performatives). “Phát ngôn ngữ vi là những phát ngôn mà khi người ta nói chúng ra thì đồng thời người ta thực hiện ngay cái việc được biểu thị trong phát ngôn” (Đỗ Hữu Châu, 2007: 88). Như khi chúng ta nói: *Tôi hứa trả tiền cho anh vào ngày mai*, với mục đích là hứa, thì ta đã thực hiện ngay khi nói hành vi cam kết. Hoặc khi bố nói với con: *Bố cấm con không được chơi game*

này, thì người bỏ đã thực hiện ngay khi nói hành vi cảm đoán.

Lí thuyết hành vi ngôn ngữ (speech acts) cũng được J.Austin (1962) đề cập tới thông qua một cuốn sách nổi tiếng với tựa đề “*How to do things with words*” được tạm dịch là: *Nói là làm hay nói là hành động*. Theo J. Austin (1962), khi sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp cũng đồng thời thực hiện 3 hành vi: locutionary act (hành vi tạo lời), illocutionary act (hành vi tại lời) và perlocutionary act (hành vi sau lời hay mượn lời).

“Trong các tài liệu Việt ngữ học, thuật ngữ locutionary act thường được dịch là *hành động tạo lời*, illocutionary act - *hành động ở lời* và perlocutionary act - *hành động mượn lời hay hành động xuyên ngôn*.” (Nguyễn Thiện Giáp, 2000: tr 44)

2.2. Phân tích lý thuyết “*Nói là hành động*” của John L.Austin

Khi chúng ta nói năng là chúng ta hành động, chúng ta thực hiện một loại hành động đặc biệt mà phương tiện là ngôn ngữ. Một hành động ngôn ngữ được thực hiện khi một người nói (hoặc viết) Speaker 1 nói ra một phát ngôn U cho người nghe (hoặc người đọc) Speaker 2 trong ngữ cảnh C. J.Austin (1962) cho rằng trong khi nói con người thực hiện ba hành động: hành động tạo lời, hành động tại lời và hành động mượn lời.

Hành động hay hành vi tạo lời hiểu một cách đơn giản là nói một điều gì đó có nghĩa. Để tạo ra được một phát ngôn, phải biết kết hợp những phương tiện vật chất là: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Như vậy, mỗi

hành vi tạo lời đã tạo ra nội dung mệnh đề và do đó có giá trị trong giao tiếp. George Yule (1996) khẳng định rằng một hành vi tạo ngôn là hành động cơ bản của lời nói và ý nghĩa của các biểu hiện ngôn ngữ là yếu tố quyết định của loại hành động này. Ví dụ, khi nói một câu: “*Trời hôm nay nóng quá!*” có thể được tính là một hành vi tạo lời vì nó có nghĩa thực tế.

Hành động hay hành vi tại lời (HVTL) là những hành vi được thực hiện ngay trong lời nói và bằng việc sử dụng ngôn ngữ, phát ngôn. Trong giao tiếp, chúng ta có những hành vi tại lời như *hỏi, trả lời, ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khẳng định, cam kết, khuyên bảo, răn đe, dọa nạt, phán xét, kết tội, xin lỗi, cảm ơn, chúc tụng, ca ngợi...*

(Nguyễn Đức Dân, 2001).

Ví dụ:

- Em chào cô ạ! (1)

- Anh chúc em thi tốt! (2)

- Tớ mời cậu đi ăn tối. (3)

- Tôi bảo đảm với chị đây là hàng thật. (4)

“*chào, chúc, mời, bảo đảm*” được gọi là những động từ ngữ vi, là những động từ mà khi chúng ta phát ra, ở những điều kiện thích hợp thì chúng ta đồng thời cũng thực hiện luôn hành động được gọi tên đó. Câu (1) thể hiện HVTL chào hỏi; Câu (2) có HVTL là chúc tụng; HVTL của câu (3) là mời và HVTL của câu (4) là bảo đảm.

Hành động hay hành vi mượn lời là những hành vi “mượn” phương tiện ngôn ngữ, nói đúng hơn là mượn các phát ngôn để gây ra một hiệu quả ngoài ngôn ngữ nào đó. Người nói bằng hành động ngôn từ tác

động vào người nghe, gây ra một tác động về tâm lí, hành vi, thái độ, tình cảm nào đó. Ví dụ “*Con nên đi ngủ kẻo mệt*”, HVTL của phát ngôn này là khuyên nhủ, nhưng người nói có thể mượn lời khuyên nhủ này để tạo ra sự xúc động ở người nghe qua thái độ ân cần, trù mến khi nói, cũng có thể nhằm thuyết phục hoặc gợi ý cho người nghe thực hiện một hành động và cũng có thể bày tỏ sự quan tâm của người nói... Nghe phát ngôn sai khiến: “*Đứng dậy*”, người nghe có thể đứng dậy ngay, anh ta cũng có thể vùng vằng, bực tức, tỏ vẻ khó chịu. Hành động vật lí đứng dậy, sự bực tức vùng vằng đều thuộc hành vi mượn lời. Chúng ta có thể thấy rõ chức năng hành động của giao tiếp được thực hiện nhờ các hiệu quả mượn lời của phát ngôn.

Tóm lại, mặc dù lý thuyết hành vi ngôn ngữ đã được nghiên cứu bởi các nhà ngôn ngữ học theo nhiều cách khác nhau nhưng tất cả đều cho rằng hành vi lời nói là hành động được thực hiện thông qua các phát ngôn. Hay nói rõ hơn, khi thể hiện ý tưởng, cảm xúc, thái độ, yêu cầu... chúng ta tạo ra những lời nói và đồng thời thực hiện các hành động với những lời nói đó.

2.3. Vận dụng các quy tắc giao tiếp xã hội vào dạy học ngoại ngữ

Các hành vi tại lời được chi phối bởi những quy tắc đã được xã hội ước chế gắn với từng dân tộc, cộng đồng. Những *lời chào, xin lỗi, lời mời, hứa hẹn, cảm ơn, chúc tụng...* có thể khác biệt giữa các dân tộc trên thế giới.

Chào hỏi cũng như những hành động nói khác thể hiện đặc trưng văn hóa của mỗi

dân tộc trên thế giới. Theo đó, văn hóa chào hỏi của các nước châu Âu sẽ khác với châu Á. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, đối với những người đến từ châu Âu hay châu Mỹ, khi gặp gỡ họ thường chào hỏi một cách hồ hởi và nhanh chóng, phong cách chung là bắt tay, ôm hôn hoặc gật đầu. Họ luôn tỏ thái độ tự tin, bình đẳng, ít coi trọng cương vị xã hội. Còn những người đến từ châu Á khi gặp gỡ, chào hỏi thường dè dặt và có xu hướng tôn trọng địa vị xã hội của cá nhân. Họ luôn luôn tôn kính người lớn tuổi hoặc những người có địa vị xã hội cao hơn.

Trong tiếng Anh và tiếng Việt, lời chào cũng có những điểm khác biệt liên quan tới nội dung, ngữ nghĩa, cú pháp hay từ vựng. Vì vậy, việc áp đặt cách thức sử dụng của ngôn ngữ này vào ngôn ngữ khác sẽ gây cho họ nhiều khó khăn và dễ bị hiểu lầm. Trong tiếng Anh, hầu hết các lời chào được dùng chung cho mọi đối tượng, không phân bậc giao tiếp, lựa chọn từ xưng hô theo giới tính, tuổi tác, quan hệ xã hội như trong tiếng Việt. Cách chào được sử dụng nhiều nhất và phổ biến là “Hi”/ “Hello” hay “Hi”/ “Hello” + (first name):

Ví dụ:

- *Hi!*

- *Hi, Tonny!*

- *Hello Ann!*

Trong khi đó, ở Việt Nam, lời chào là hết sức quan trọng. Ngay từ xa xưa đã có câu nói “*Lời chào cao hơn mâm cỗ*”, điều này cho thấy văn hóa chào hỏi đã trở thành một thứ văn hóa không thể thiếu của người Việt. Lời chào trong tiếng Việt rất đa dạng và linh hoạt, mỗi đối tượng khác nhau lại có

những cách chào hỏi, xưng hô khác nhau tùy thuộc vào giới tính, tuổi tác, địa vị xã hội. Theo Lê Anh Tuấn (2020), khi gặp nhau, người Việt có thói quen chào nhau: *Bắt cụt, Thưa bác, Thưa ông bà, Chào cô, Chào cháu...* Đồng thời, với lời chào là cử chỉ nghiêng mình, khẽ cúi đầu, bắt tay hay

nở một nụ cười...tiếp theo đó là các lời thăm hỏi, trong đó trong đó nhấn mạnh đến đại từ nhân xưng như *cụ, ông bà, cô chú, anh chị, con cháu...*

Ví dụ về lời chào trong tiếng Việt lựa chọn từ xưng hô theo giới tính, tuổi tác được thể hiện ở bảng sau:

Giới tính	Nam	Nữ	
	- <i>Cháu chào ông</i> - <i>Chào chú</i> - <i>Dạ thưa thầy</i> - <i>Chào anh</i> ...	- <i>Cháu chào bà</i> - <i>Chào dì</i> - <i>Dạ thưa cô</i> - <i>Chào chị</i> ...	
Tuổi tác	Người ít tuổi chào người lớn tuổi hơn	Người ngang tuổi	Người lớn tuổi chào người ít tuổi hơn
	- <i>Cháu chào ông/bà/cô/dì/chú/bác ạ</i> - <i>Chào cô/ dì/chú/bác/ông/bà ạ</i> - <i>Cháu chào cô /dì/chú/bác</i> - <i>Bắt cụt</i> - <i>Thưa bác</i> - <i>Con chào bố/mẹ</i> - <i>Em chào anh/ chị ạ</i> - <i>Chào anh/chị ạ</i> - <i>Em chào anh/chị</i> - <i>Dạ thưa thầy/cô</i> ...	- <i>Xin chào</i> - <i>A! Xin chào!</i> - <i>Chào bạn</i> - <i>Chào nhé!</i> - <i>Chào!</i> - <i>Ê, Nam!</i> ...	- <i>Chào cháu</i> - <i>Chào em nhé!</i> - <i>Em à</i> - <i>Con à</i> - <i>Cháu đó à</i> ...

Trong văn hóa chào hỏi của người Việt Nam, đối tượng và tình huống khác nhau sẽ có những cách chào hỏi khác nhau. Vì vậy, người tham gia giao tiếp phải làm chủ được mọi tình huống giao tiếp để lựa chọn đúng từ xưng hô, đúng người, đúng hoàn cảnh.

Thêm một điểm khác biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt nữa, đó là trong tiếng

Anh, người ta đôi lúc chào nhau dựa vào thời điểm thực hiện lời chào. Lời chào gắn liền với thời gian như: *Good morning, Good afternoon, Good evening*. Đây là cách chào được dùng trong những hoàn cảnh nghi thức, mang tính chất lịch sự, trang trọng.

Thời điểm	Cách chào hỏi
<i>Buổi sáng:</i> Từ 12h đêm đến 12h trưa	+ <i>Good morning</i> + <i>Good morning, Mr Luis</i> + <i>Mornin' Amy</i>
<i>Buổi chiều:</i> Sau 12h trưa đến 5 giờ chiều	+ <i>Good afternoon</i> + <i>Good afternoon, professor David</i> + <i>Afternoon Kate</i>
<i>Buổi tối :</i> Sau 5 giờ chiều cho đến 12h đêm	+ <i>Good evening</i> + <i>Good evening, Ms Jena</i> + <i>Evenin' Andrew</i>

Ngoài những khác biệt nêu trên, người Việt và người Anh còn có sự lựa chọn khác nhau về chủ đề trong chào hỏi. Những câu hỏi như “*How are you?*”, “*How’ve you been?*” hay “*Are you fine/Ok?*” (*Bạn/anh/chị thế nào? khỏe không?*) hỏi về tình trạng sức khỏe của người được chào là khá phổ biến trong tiếng Anh. Trong khi những câu chào hỏi tương tự như vậy rất ít xuất hiện trong tiếng Việt. Ở tiếng Việt, thường những câu này chỉ được hỏi khi hai người có thời gian để trò chuyện và đặc biệt mỗi quan hệ phải gần gũi. Ngược lại, với lần gặp gỡ đầu tiên khi mới làm quen, người Việt Nam có thể hỏi thăm nhau những câu như: “*Bạn /anh/chị/em ở đâu?/ làm nghề gì?/ bao nhiêu tuổi?/ đã lập gia đình chưa?*”. Những câu hỏi “tò mò” như vậy có thể làm những người phương Tây khó chịu. Người Việt trong chào hỏi làm quen có thể nói luôn về gia đình, bản thân nhưng người Anh không nói về gia đình, bản thân mà nói về thời tiết, đồ ăn hay những vấn đề không liên quan gì đến cá nhân. Có những chủ điểm được coi là “cấm kỵ” trong tiếng Anh lại được đề cập đến khá phổ biến trong tiếng

Việt. Những khác biệt này thể hiện nét văn hóa đặc trưng của hai ngôn ngữ, hai dân tộc.

Theo Nguyễn Thùy Dương (2011), không có một chủ đề cụ thể nào trong tất cả những lời chào hỏi của người Việt Nam, nhưng câu hỏi về sự việc hiện tại mà đôi lúc không cần phải trả lời, xuất hiện khá thường xuyên. Ví dụ: Khi gặp nhau trên đường, người Việt Nam thường chào nhau “*Bạn/anh/chị đi đâu đấy?*” hay một cách thân mật hơn “*Sao hôm nay trông em chán thế?*”, nếu những câu hỏi mang tính xã giao này được dùng trong tiếng Anh, nó sẽ khiến người nghe cảm thấy lúng túng vì họ cho rằng những câu hỏi đó “không phù hợp và xâm phạm sự riêng tư” (*Eisenstein và các đồng sự, 1996*).

Có thể nói rằng, nắm được ngôn ngữ, không chỉ có nghĩa là nắm được âm, từ ngữ, câu v.v... của ngôn ngữ đó mà còn là nắm được những qui tắc điều khiển các hành vi ở lời trong ngôn ngữ đó, có nghĩa là biết các qui tắc để “chào hỏi”, “hứa hẹn”, “yêu cầu”, “mời” v.v... sao cho đúng lúc, đúng chỗ, cho thích hợp với ngữ cảnh, với người được hỏi và với mỗi quy tắc ứng xử trong các nền

văn hóa khác nhau (Đỗ Hữu Châu, 2007).

3. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Lý thuyết “Nói là hành động” của J. Austin một lần nữa cho chúng ta thấy rằng trong giao tiếp con người thực hiện rất nhiều hành động khác nhau bằng cách sử dụng ngôn ngữ. Các hành động này tuy được thể hiện hết sức đa dạng nhưng đều được gọi chung là các hành vi ngôn ngữ. Mối liên hệ giữa ngôn ngữ và hành vi con người là hiển nhiên và điều đó đã được nhiều nhà ngôn ngữ học trên thế giới quan tâm nghiên cứu. Các hành vi ngôn ngữ được chi phối bởi những quy tắc đã được xã hội ước chế gắn với từng dân tộc, cộng đồng. Ở mỗi ngôn ngữ khác nhau, các quy tắc ứng xử và giao tiếp xã hội như *chào hỏi, xin lỗi, lời mời, hứa hẹn, cảm ơn, chúc tụng...* không giống nhau. Tất cả đã tạo nên một bản sắc văn hóa mang giá trị riêng biệt đối với từng quốc gia.

Trong dạy học một ngoại ngữ, người

học muốn tăng cường được khả năng giao tiếp trong ngôn ngữ đích thì cần phải nâng cao vốn hiểu biết về ngôn ngữ xã hội và những đặc trưng về văn hóa ứng xử của đất nước đó. Theo Gumperz (1982), người ở những nền văn hóa khác có cách giao tiếp khác nhau. Những khác biệt về văn hóa có thể gây nên khó khăn dẫn đến thất bại trong giao tiếp. Vì thế người học cần phải ý thức được việc thông thạo ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm của một ngôn ngữ không đồng nghĩa với việc giao tiếp thành công. Người học nên tăng cường tìm hiểu về lịch sử, những đặc trưng văn hóa, chuẩn mực xã hội của chính dân tộc mình và lấy đó làm nền tảng để có thể hiểu rõ hơn về ngôn ngữ đích. Bên cạnh đó, người dạy cần nghiên cứu và nắm vững kiến thức về ngôn ngữ xã hội và ngữ dụng học, quy phạm văn hóa ở cả hai ngôn ngữ để có thể sử dụng những kiến thức này hỗ trợ cho học sinh trong quá trình tiếp thu và giao tiếp một cách hiệu quả ở ngôn ngữ thứ hai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Austin, J.L. (1962), *How to Do Things with Words*, Oxford University Press.
- [2] Đỗ Hữu Châu (2007) *Đại Cương Ngôn Ngữ Học - Tập hai: Ngữ Dụng Học*, NXB Giáo dục.
- [3] Nguyễn Đức Dân, (2001), *Ngữ Dụng Học - Tập một*, NXB Giáo dục.
- [4] Nguyễn Thùy Dương, (2011), *Đặc Trưng Ngôn Ngữ - Văn Hóa Của Hành Vi Chào Hỏi Trong Tiếng Anh Và Tiếng Việt*, <https://ket-noi.com/blog/threads/dac-trung-ngon-ngu-van-hoa-cua-hanh-vi-chao-hoi-trong-tieng-anh-va-tieng-viet.139434/>
- [5] Eisenstein Ebsworth, M., Bodman, J.W., & Carpenter, M. (1996), *Cross-cultural Realization of Greetings in American English*. In: Susan M. Gass and Joyce Neu, ed. *Speech Acts Across Cultures, Challenges to Communication in a Second Language*. Berlin: Mouton de Gruyter.
- [6] Nguyễn Thiện Giáp (2000), *Dụng Học Việt Ngữ*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7] Gumperz, J. (1982), *Discourse Strategies*. Cambridge University Press.
- [8] Lê Anh Tuấn (2020), *Chuyện Chào Hỏi Của Người Việt*. <https://www.sgtiepthi.vn/chuyen-chao-hoi-cua-nguoi-viet/>
- [9] Yule, G. (1996), *Pragmatics*. Cambridge University Press.

Liên hệ:

ThS. Hoàng Ngọc Anh

Khoa Ngoại Ngữ, Trường Đại học Quảng Bình.

Địa chỉ: 312 Lý Thường Kiệt, Đồng Hới, Quảng Bình

Email: ngocanh254@gmail.com

Ngày nhận bài: 07/6/2022

Ngày gửi phản biện: 09/6/2022

Ngày duyệt đăng: 12/8/2022